

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành đơn giá dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện lớn trên địa bàn thành phố Hà Nội**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 03/6/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 19/6/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06/11/2019 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;*

*Căn cứ Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 21/9/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật loại hình xe buýt điện lớn trên địa bàn thành phố Hà Nội;*

*Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1101/TTr-SGTVT ngày 02/11/2023 về việc ban hành đơn giá dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện lớn trên địa bàn thành phố Hà Nội.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành đơn giá dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện lớn trên địa bàn thành phố Hà Nội theo phụ lục chi tiết đính kèm.

**Điều 2.** Trách nhiệm của các đơn vị:

1. Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lý, hợp lệ của các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong phương án giá theo quy định.

2. Trong quá trình thực hiện, giao Sở Giao thông vận tải chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động Thương binh và Xã hội thường xuyên rà soát các nội dung còn chưa hợp lý (nếu có), tổng hợp, tham mưu, báo cáo UBND Thành phố xem xét, điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

3. Đơn giá được phê duyệt làm cơ sở để các đơn vị xây dựng hồ sơ dự toán đặt hàng, dự toán giá gói thầu và thanh toán kinh phí trợ giá xe buýt từ ngân sách Thành phố.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Tài Chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố Hà Nội; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã Sơn Tây và các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thường trực: Thành ủy, HĐND TP;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Văn phòng: Thành ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND TP;
- VPUBTP: Các PCVP (N.M.Quân. Đ.Q.Hùng),  
các phòng: TH, KTTH, KTN;
- Lưu: VT, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Mạnh Quyền**

**PHỤ LỤC: ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG  
BẰNG XE BUÝT ĐIỆN LỚN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của  
Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

**BẢNG 1: TỔNG HỢP ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG  
CỘNG BẰNG XE BUÝT ĐIỆN LỚN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**  
(Giá năng lượng điện được xác định theo Quyết định số 1062/QĐ-BCT ngày 4/5/2023 của Bộ  
Công Thương, chưa có hệ số điều chỉnh cho xe hoạt động dưới 5 năm)

TT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Đơn vị	Buýt điện lớn
<b>A</b>	<b>Chi phí sản xuất, kinh doanh</b>	<b>TC</b>	<b>Đồng</b>	<b>26.415</b>
<b>I</b>	<b>Chi phí trực tiếp:</b>	<b>C<sub>TT</sub></b>	<b>Đồng</b>	<b>23.542</b>
<b>1</b>	<b>Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, nhiên liệu, năng lượng trực tiếp</b>	<b>C<sub>VT</sub></b>	<b>Đồng</b>	<b>8.118</b>
1.1	Chi phí tiêu hao năng lượng điện		Đồng	1.012
1.2	Chi phí dầu bôi trơn		Đồng	80
1.3	Chi phí sắm lốp, ắc quy		Đồng	807
1.4	Chi phí bảo dưỡng thường xuyên		Đồng	641
1.5	Chi phí sửa chữa lớn		Đồng	4.501
1.6	Chi phí trạm sạc		Đồng	1.077
<b>2</b>	<b>Chi phí nhân công trực tiếp</b>	<b>C<sub>NC</sub></b>	<b>Đồng</b>	<b>8.977</b>
2.1	Chi phí lương lái xe và nhân viên phục vụ trên xe		Đồng	8.010
2.2	Chi phí khác (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ và ăn ca)		Đồng	967
<b>3</b>	<b>Chi phí khấu hao máy móc thiết bị trực tiếp (Khấu hao phương tiện)</b>	<b>C<sub>KH</sub></b>	<b>Đồng</b>	<b>6.430</b>
<b>4</b>	<b>Chi phí sản xuất, kinh doanh (chưa tính ở trên) theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực (Bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới)</b>	<b>C<sub>K</sub></b>	<b>Đồng</b>	<b>17</b>
<b>II</b>	<b>Chi phí chung</b>	<b>C<sub>C</sub></b>	<b>Đồng</b>	<b>2.873</b>
<b>5</b>	<b>Chi phí sản xuất chung</b>			<b>1.505</b>
5.1	Chi phí quản lý phân xưởng	C <sub>CM</sub>	Đồng	514
5.2	Chi phí quản lý vận hành áp dụng khoa học công nghệ	C <sub>KHCN</sub>	Đồng	991
6	Chi phí tài chính (nếu có)	C <sub>TC</sub>	Đồng	
7	Chi phí bán hàng	C <sub>BH</sub>	Đồng	
8	Chi phí quản lý	C <sub>QL</sub>	Đồng	1.368
<b>B</b>	<b>Chi phí phân bổ cho sản phẩm phụ (nếu có)</b>	<b>CP</b>	<b>Đồng</b>	
<b>C</b>	<b>Giá thành toàn bộ (TC-CP)</b>	<b>Z</b>	<b>Đồng</b>	<b>26.415</b>
<b>E</b>	<b>Lợi nhuận dự kiến</b>		<b>Đồng</b>	<b>1.083</b>
<b>F</b>	<b>Giá hàng hóa dịch vụ</b>		<b>Đồng</b>	<b>27.498</b>

**Ghi chú:**

- Giá năng lượng điện được xác định theo Quyết định số 1062/QĐ-BCT ngày 04/5/2023 của Bộ Công Thương. Trường hợp giá bán điện có sự biến động thì sẽ được xem xét thanh toán bù trừ khoản chênh lệch chi phí năng lượng điện theo giá bán điện tại từng thời điểm.

- Đơn giá trên chưa bao gồm các khoản chi phí khác như giá dịch vụ xe ra vào bến xe ô tô, giá dịch vụ sử dụng đường bộ, bảo hiểm hành khách thu hộ, phí sử dụng đường bộ,... Các khoản chi phí trên được xác định theo số phát sinh thực tế theo quy định.

**BẢNG 2: TỔNG HỢP ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT ĐIỆN LỚN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**  
(Giá năng lượng điện được xác định theo Quyết định số 1062/QĐ-BCT ngày 4/5/2023 của Bộ Công Thương, có hệ số điều chỉnh 1,05 cho xe hoạt động từ năm thứ 5 trở đi)

TT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Đơn vị	Buýt điện lớn
<b>A</b>	<b>Chi phí sản xuất, kinh doanh</b>	<b>TC</b>	<b>Đồng</b>	<b>26.470</b>
<b>I</b>	<b>Chi phí trực tiếp:</b>	<b>C<sub>TT</sub></b>	<b>Đồng</b>	<b>23.593</b>
<b>1</b>	<b>Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, nhiên liệu, năng lượng trực tiếp</b>	<b>C<sub>VT</sub></b>	<b>Đồng</b>	<b>8.169</b>
1.1	Chi phí tiêu hao năng lượng điện		Đồng	1.063
1.2	Chi phí dầu bôi trơn		Đồng	80
1.3	Chi phí sửa chữa, ắc quy		Đồng	807
1.4	Chi phí bảo dưỡng thường xuyên		Đồng	641
1.5	Chi phí sửa chữa lớn		Đồng	4.501
1.6	Chi phí trạm sạc		Đồng	1.077
<b>2</b>	<b>Chi phí nhân công trực tiếp</b>	<b>C<sub>NC</sub></b>	<b>Đồng</b>	<b>8.977</b>
2.1	Chi phí lương lái xe và nhân viên phục vụ trên xe		Đồng	8.010
2.2	Chi phí khác (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ và ăn ca)		Đồng	967
<b>3</b>	<b>Chi phí khấu hao máy móc thiết bị trực tiếp (Khấu hao phương tiện)</b>	<b>C<sub>KH</sub></b>	<b>Đồng</b>	<b>6.430</b>
<b>4</b>	<b>Chi phí sản xuất, kinh doanh (chưa tính ở trên) theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực (Bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới)</b>	<b>C<sub>K</sub></b>	<b>Đồng</b>	<b>17</b>
<b>II</b>	<b>Chi phí chung</b>	<b>C<sub>C</sub></b>	<b>Đồng</b>	<b>2.877</b>
<b>5</b>	<b>Chi phí sản xuất chung</b>			<b>1.505</b>
5.1	Chi phí quản lý phân xưởng	C <sub>CM</sub>	Đồng	514
5.2	Chi phí quản lý vận hành áp dụng khoa học công nghệ	C <sub>KHCN</sub>	Đồng	991
6	Chi phí tài chính (nếu có)	C <sub>TC</sub>	Đồng	
7	Chi phí bán hàng	C <sub>BH</sub>	Đồng	
8	Chi phí quản lý	C <sub>QL</sub>	Đồng	1.372
<b>B</b>	<b>Chi phí phân bổ cho sản phẩm phụ (nếu có)</b>	<b>CP</b>	<b>Đồng</b>	
<b>C</b>	<b>Giá thành toàn bộ (TC-CP)</b>	<b>Z</b>	<b>Đồng</b>	<b>26.470</b>
<b>E</b>	<b>Lợi nhuận dự kiến</b>		<b>Đồng</b>	<b>1.085</b>
<b>F</b>	<b>Giá hàng hóa dịch vụ</b>		<b>Đồng</b>	<b>27.555</b>

**Ghi chú:**

- Giá năng lượng điện được xác định theo Quyết định số 1062/QĐ-BCT ngày 04/5/2023 của Bộ Công Thương. Trường hợp giá bán điện có sự biến động thì sẽ được xem xét thanh toán bù trừ khoản chênh lệch chi phí năng lượng điện theo giá bán điện tại từng thời điểm.

- Đơn giá trên chưa bao gồm các khoản chi phí khác như giá dịch vụ xe ra vào bến xe ô tô, giá dịch vụ sử dụng đường bộ, bảo hiểm hành khách thu hộ, phí sử dụng đường bộ,... Các khoản chi phí trên được xác định theo số phát sinh thực tế theo quy định.